

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 57, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 1016/2023/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2023 về việc Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Anh Lê Quốc P, sinh năm 1990.

Nơi thường trú và nơi ở hiện nay: 62 K, phường C, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Chị Nguyễn Thị Diệu H1, sinh năm 1993.

Nơi thường trú: 62 K, phường C, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; nơi ở hiện nay: 3/40 L, phường Đ, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Quốc P và chị Nguyễn Thị Diệu H1 tự nguyện đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường C, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế vào ngày 28/11/2014 nên là hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng sống với nhau từ năm 2014 đến năm 2020 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, từ tháng 10/2020, vợ chồng bắt đầu sống ly thân. Hiện nay, vợ chồng không còn chung sống với nhau, mục đích hôn nhân không đạt được nên thuận tình ly hôn. Xét thấy, hai bên thật sự tự nguyện ly hôn nên Tòa án cần công nhận việc thuận tình ly hôn giữa anh P và chị H1.

[2] Về con chung: Anh Lê Quốc P và chị Nguyễn Thị Diệu H1 xác nhận vợ chồng có 02 con chung tên: Lê Ái H2, sinh ngày 08/4/2015 và Lê Ái T, sinh ngày 03/01/2017. Hiện nay, cháu H2 và cháu T đang ở với anh P.

Nay ly hôn, anh P, chị H1 thỏa thuận: Giao cháu H2 và T cho anh P trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành (Đủ 18 tuổi); chị H1 cấp dưỡng nuôi 02 con, mỗi con mỗi tháng 1.000.000 đồng (Một triệu

đồng/tháng/con) kể từ khi Quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến khi các cháu H2, T đến tuổi trưởng thành (Đủ 18 tuổi).

Sự thỏa thuận về nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con là tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên cần công nhận.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Anh Lê Quốc P và chị Nguyễn Thị Diệu H1 xác nhận không có tài sản chung, nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí Tòa án: Anh Lê Quốc P và chị Nguyễn Thị Diệu H1, mỗi người phải chịu 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) lệ phí ly hôn sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001388 ngày 05/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H. Anh Lê Quốc P và chị Nguyễn Thị Diệu H1 đã nộp đủ.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Lê Quốc P và chị Nguyễn Thị Diệu H1.

- Về con chung: Anh Lê Quốc P và chị Nguyễn Thị Diệu H1 xác nhận vợ chồng có 02 con chung tên: Lê Ái H2, sinh ngày 08/4/2015 và Lê Ái T, sinh ngày 03/01/2017. Hiện nay, cháu H2 và cháu T đang ở với anh P.

Giao cháu H2 và T cho anh P trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành (Đủ 18 tuổi); chị H1 cấp dưỡng nuôi 02 con, mỗi con mỗi tháng 1.000.000 đồng (Một triệu đồng/tháng/con) kể từ khi Quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến khi các cháu H2, T đến tuổi trưởng thành (Đủ 18 tuổi).

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Sau khi Quyết định có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (Đối với khoản tiền cấp dưỡng nuôi con) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

- Về tài sản chung, nợ chung: Anh Lê Quốc P và chị Nguyễn Thị Diệu H1 xác nhận không có tài sản chung, nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh Lê Quốc P và chị Nguyễn Thị Diệu H1, mỗi người phải chịu 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) lệ phí ly hôn sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001388 ngày 05/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H. Anh Lê Quốc P và chị Nguyễn Thị Diệu H1 đã nộp đủ.

3. Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự

có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Người yêu cầu;
- TAND tỉnh TT. Huế;
- VKSND thành phố H;
- CC THADS thành phố H;
- UBND phường C, thành phố H (*ĐKKH số 163, ngày 28/11/2014*);
- Lưu hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Nguyễn Đình Tú